



CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 09 tháng 09 năm 2022

## QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6 (“CÔNG TY”)

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công Ty ngày 30 tháng 12 năm 2021;
- Căn cứ Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty số 0909/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BT6 ngày 09 tháng 09 năm 2022;
- Hội Đồng Quản Trị Công Ty ban hành Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị của Công Ty (“Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị”) bao gồm các nội dung sau:

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1 Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1.1 Phạm vi điều chỉnh:

Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều Lệ và các quy định khác của Pháp Luật có liên quan.

##### 1.2 Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội Đồng Quản Trị, các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

## **Điều 2 Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị**

- 2.1 Hội Đồng Quản Trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với sự phát triển của Công Ty.
- 2.2 Hội Đồng Quản Trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám Đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

## **Điều 3 Định nghĩa**

- 3.1 Trong Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị này này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“*Công Ty*” là CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6, như được quy định tại Điều 2 Điều Lệ;

“*Công Ty Con*” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Công Ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (b) Công Ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó;

“*Công Ty Liên Kết*” là doanh nghiệp mà Công Ty có góp vốn và/hoặc sở hữu cổ phần nhưng chưa phải Công Ty Con;

“*Công Ty Mẹ*” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) công ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công Ty; (b) công ty có quyền kiểm soát Công Ty, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc của Công Ty; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;

“*Cổ Đông*” có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty;

“*Cổ Đông Lớn*” là Cổ Đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty như được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán;

“*Cổ Đông Phổ Thông*” có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông của Công Ty;

“*Điều Lệ*” là Điều Lệ của Công Ty được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Luật Chứng Khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Luật Doanh Nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;

“*Người Có Liên Quan*” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và/hoặc Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.

“*Người Quản Lý Doanh Nghiệp*” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 24 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp;

“*Pháp Luật*” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

“*Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty*” là quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội Đồng Quản Trị xây dựng, trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và do Hội Đồng Quản Trị ban hành, quy định về quản trị, điều hành Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.

- 3.2 Trong Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu đến sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng
- 3.3 Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị;
- 3.4 Các từ hoặc thuật ngữ viết hoa không được định nghĩa tại Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị này sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều Lệ.
- 3.5 Các từ hoặc thuật ngữ nào được đề cập trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị này.

## Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 4 Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 4.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh Nghiệp, Pháp Luật liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được

cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty.

- 4.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ và các nghĩa vụ sau:
- (a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ Đông và của Công Ty;
  - (b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
  - (c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội Đồng Quản Trị các khoản thù lao nhận được từ các Công Ty Con, Công Ty Liên Kết và các tổ chức khác;
  - (d) Báo cáo Hội Đồng Quản Trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những Người Có Liên Quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên hoặc cổ đông sáng lập hoặc là Người Quản Lý Doanh Nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - (e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.
- 4.3 Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

## **Điều 5 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị**

- 5.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, các Giám Đốc Điều Hành, người quản lý khác trong Công Ty (gọi chung là “Người Quản Lý”) cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty.
- 5.2 Người Quản Lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty quy định.

## **Điều 6 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị**

- 6.1 Hội Đồng Quản Trị có năm (05) thành viên.
- 6.2 Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá (năm) 05 năm, và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị phải theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, ngoại trừ việc một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập của Công Ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

6.3 Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp bầu bổ sung hoặc bầu thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm thì nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung, thay thế này là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị.

6.4 Cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty như sau:

- (a) Công Ty phải đảm bảo tối thiểu là một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành;
- (b) Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội Đồng Quản Trị.

## **Điều 7 Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội Đồng Quản Trị**

7.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- (a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- (b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty;
- (c) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều Lệ và Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty (nếu có quy định).

7.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập (trường hợp Công Ty chọn cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- (a) Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, Công Ty Mẹ hoặc Công Ty Con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc Công Ty Con của Công Ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
- (b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định;
- (c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ Đông Lớn của Công Ty; là người quản lý của Công Ty hoặc Công Ty Con của Công Ty;
- (d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;
- (e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát của Công Ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ;

(f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều Lệ và Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty (nếu có quy định).

7.3 Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập phải thông báo với Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội Đồng Quản Trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập có liên quan.

#### **Điều 8            Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị**

8.1 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

8.2 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty không được kiêm Tổng Giám Đốc.

8.3 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
- (b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa Đại Hội Đồng Cổ Đông và các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
- (c) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội Đồng Quản Trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội Đồng Quản Trị cho các Cổ Đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (d) Thay mặt Hội Đồng Quản Trị ký các Quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- (e) Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- (f) Kiến nghị lên Hội Đồng Quản Trị, Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội Đồng Quản Trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
- (g) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định;

(h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

- 8.4 Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, miễn nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc kể từ ngày Hội Đồng Quản Trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.
- 8.5 Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

#### **Điều 9 Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị**

- 9.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
- (a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Pháp luật và/hoặc theo quy định tại Điều Lệ của Công Ty;
  - (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - (c) Thành viên đó bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết.
- 9.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
- (a) Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - (b) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết.
- 9.3 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
- (a) Số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều Lệ Công Ty. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- (b) Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh Nghiệp;
- (c) Trừ trường hợp quy định tại điểm (a) và điểm (b) khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 10 Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị**

10.1 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị như sau:

- (a) Nếu các Cổ Đông Phổ Thông họp thành nhóm để ứng cử, đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị thì phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- (b) Căn cứ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội Đồng Quản Trị hoặc các Cổ Đông khác ứng cử, đề cử trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị đề cử không đủ.
- (c) Số lượng ứng viên tối đa mà Cổ Đông và nhóm Cổ Đông nêu tại Khoản 1 Điều này có quyền đề cử, ứng cử được xác định như sau:
  - (i) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty ứng cử, đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;
  - (ii) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được ứng cử, đề cử, tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;
  - (iii) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được ứng cử, đề cử, tối đa ba (03) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;
  - (iv) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được ứng cử, đề cử tối đa bốn (04) ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị;
  - (v) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ tám mươi phần trăm (80%) trở



lên tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty được ứng cử, đề cử đủ ứng viên để bầu vào Hội Đồng Quản Trị.

- (d) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản này chỉ được thực hiện quyền ứng cử hoặc đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị một lần duy nhất trong suốt nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Tuy nhiên, để tránh mọi hiểu nhầm, trường hợp một thành viên Hội Đồng Quản Trị bị Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm, miễn nhiệm, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đã đề cử ứng viên được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm đó vẫn được quyền tiếp tục ứng cử, đề cử ứng viên khác để bầu vào Hội Đồng Quản Trị để bổ sung, thay thế cho vị trí bị khuyết này.

10.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty. Việc Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật.

10.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ Phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Cổ Đông có thể phân phối số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên với số phiếu cụ thể hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng cử viên được chọn và được quyền bầu một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

10.4 Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

10.5 Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị thì:

- (a) Nếu ứng cử viên là Cổ Đông thì ứng cử viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn.
- (b) Nếu ứng cử viên không là Cổ Đông thì ứng cử viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Hội Đồng Quản Trị lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm;
- (c) Nếu không rơi vào trường hợp quy định tại điểm (a) hoặc (b) Khoản này thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

**Điều 11 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị**

- 11.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị được công bố bao gồm:
- (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - (b) Trình độ học vấn;
  - (c) Trình độ chuyên môn và quá trình công tác;
  - (d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
  - (e) Họ, tên của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đã đề cử ứng viên đó (nếu có);
  - (f) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và Người Có Liên Quan của Công Ty.
- 11.2 Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III** **QUYỀN, NGHĨA VỤ, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN** **CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 12 Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị**

- 12.1 Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 12.2 Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do Pháp Luật, Điều Lệ và Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định.
- 12.3 Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.
- 12.4 Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của Pháp Luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Trường hợp này, Cổ Đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

## **Điều 13      Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

### **13.1    Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, quyết định thông qua:**

- (a)    hợp đồng, giao dịch lớn của Công Ty hoặc Đơn Vị Trực Thuộc của Công Ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hợp đồng, giao dịch mua, bán, vay, cho vay, sáp nhập, đầu tư công ty, liên doanh và các hợp đồng, giao dịch khác) có giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi lăm phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, và ngoại trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- (b)    hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và các đối tượng sau đây:
  - (i)     Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ; hoặc
  - (ii)    Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc, Giám Đốc Điều Hành và Người Có Liên Quan của họ; hoặc
  - (iii)    Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Điều Hành làm chủ, có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; hoặc doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Giám đốc Điều Hành làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

**13.2**    Người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

## **Điều 14      Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường**

**14.1**    Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong các trường hợp sau:

- (a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- (b) Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp Luật;
- (c) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên: yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích triệu tập cuộc họp phù hợp với các trường hợp quy định tại Điều 9.3 (a) của Điều Lệ, có đủ chữ ký của các Cổ Đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ Đông có liên quan;
- (d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;
- (e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.

#### 14.2 Thời hạn triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thành viên Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp Luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm (c) và điểm (d) khoản 1 Điều này.

#### 14.3 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- (a) Lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp;
- (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
- (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (e) Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh Nghiệp;
- (h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### Điều 15 Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị.

15.1 Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của

tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập/thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

- 15.2 Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định Pháp Luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ Công Ty, Quy Chế Nội Bộ về Quản Trị Công Ty.

## **Chương IV**

### **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH**

#### **Điều 16 Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị**

##### **16.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị**

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất (được bầu tại Đại Hội Đồng Cổ Đông) triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

##### **16.2 Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị thường kỳ**

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

##### **16.3 Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị bất thường**

(a) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- (i) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát;
- (ii) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Giám Đốc Điều Hành;

- (iii) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
  - (iv) Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.
- (b) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm (a) nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở điểm (a) nêu trên có quyền thay thế Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

#### 16.4 Địa điểm họp

Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được tiến hành tại địa chỉ trụ sở chính của Công Ty; hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam; hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và được sự nhất trí của Hội Đồng Quản Trị.

#### 16.5 Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội Đồng Quản Trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác tùy thuộc vào từng thời điểm và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền dự các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

#### 16.6 Số thành viên tham dự tối thiểu

Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- (b) Ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- (c) Ủy quyền cho người khác không phải thành viên Hội Đồng Quản Trị đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận;
- (d) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- (e) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

#### 16.7 Biểu quyết

- (a) Trừ quy định tại Điểm (b) Khoản này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền theo Điểm (b) hoặc (c) Khoản (6) Điều 16 trên tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có một (01) phiếu biểu quyết.
- (b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.  

Bất kỳ thành viên Hội Đồng Quản Trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại Khoản 4 Điều 32 của Điều Lệ sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng hoặc giao dịch đó.
- (c) Theo quy định tại Điểm (b) Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
- (d) Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%).

#### 16.8 Biên bản cuộc họp

- (a) Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- (ii) Thời gian, địa điểm họp;
- (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- (v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- (ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Biên bản sẽ được Thư ký Công Ty gửi cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

- (b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 16.8 (a) trên đây thì biên bản này có hiệu lực.
  - (c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.
  - (d) Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
  - (e) Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- Điều 17**      **Quyết định bằng văn bản.**

Quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết. Quyết định này có hiệu lực và giá trị như quyết định được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

## **Chương V** **BÁO CÁO, THÙ LAO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

- Điều 18**      **Trình báo cáo hằng năm**



- 18.1 Kết thúc năm tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông báo cáo sau đây:
- (a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
  - (b) Báo cáo tài chính;
  - (c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;
  - (d) Báo cáo của Ban Kiểm Soát.
- 18.2 Báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này, và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Cổ Đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

#### **Điều 19 Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị**

- 19.1 Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội Đồng Quản Trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 19.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 19.3 Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.
- 19.4 Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- 19.5 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị hoặc các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị.
- 19.6 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm

cho những trách nhiệm của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan đến việc vi phạm Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.

**Điều 20 Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều Lệ Công Ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

- 20.1** Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - (b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 20.2** Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 20.3** Thành viên Hội Đồng Quản Trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

**Chương VI**  
**MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 21 Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị**

- 21.1** Quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 21.2** Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội Đồng Quản Trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội Đồng Quản Trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc

lấy ý kiến của các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty và Quy chế này.

- 21.3 Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị về việc bàn giao đó.

## Điều 22 Mọi quan hệ với Ban Điều Hành

Với vai trò quản trị, Hội Đồng Quản Trị ban hành các nghị quyết đề Tổng Giám Đốc và Ban Điều Hành thực hiện. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

## Điều 23 Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát

- 23.1 Mọi quan hệ giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 23.2 Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

## Điều 24 Hiệu lực thi hành

Quy Chế Hoạt Động của Hội Đồng Quản Trị Công Ty cổ phần Beton 6 bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 09 năm 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRỊNH THANH HUY

